

Bản án số: 337/2022/DS-PT
Ngày 22 - 12 -2022
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 354/2022/TLPT-DS ngày 11/11/2022 về “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2022/DS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 303/2022/QĐ-PT ngày 28/11/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm: 1934.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1956. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Bà Trịnh Thị P, sinh năm: 1977; (có mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1994; (có mặt)

3. Anh Nguyễn Khánh L, sinh ngày: 17/12/2004.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Khánh L: Bà Trịnh Thị P, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn Khánh L: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm: 1955. Địa chỉ: Số 164/III, ấp Phước Thạnh, xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Ngọc Khánh - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 191 C2, khu phố 6, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trịnh Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ntrình bày:

Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1973, chết ngày 13/02/2021. Ông L là con ruột của bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn S (chết năm 2006).

Ông Nguyễn Thanh L chết để lại di sản gồm: Thừa đất số 524, diện tích 756,2m² và thửa số 472 (theo đo đạc thực tế gồm: thửa số 472, diện tích 1162m²; thửa số 472A, diện tích 178m², thửa số 472B, diện tích 300m²) cùng bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Nguồn gốc các thửa đất nêu trên do ông Nguyễn Thanh L nhận thừa kế từ ông Nguyễn Văn S theo văn bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 05/6/2008.

Ông Nguyễn Thanh L và bà Trịnh Thị P sống chung vợ chồng từ năm 1993 và có hai con chung là Nguyễn Thị Kim N và Nguyễn Khánh L, ngoài ra ông L không có cha mẹ nuôi, vợ, con đẻ, con nuôi nào khác.

Hiện trạng thửa đất số 524, tờ bản đồ số 4 có một số cây dừa do ông Sích và bà N trồng. Hiện trạng thửa đất số 472, tờ bản đồ số 4 có một căn nhà tường, một nhà bếp, cổng và hàng rào, một số cây trồng như dừa, bưởi, trúc. Một số cây dừa nhiều năm tuổi do ông Sích và bà N trồng, đối với một số cây trồng còn nhỏ do ông L và bà P trồng. Căn nhà trên đất được xây dựng vào năm 2019, nguồn tiền xây dựng căn nhà có từ việc ông L chuyển nhượng phần đất diện tích khoảng 500m² cho bà Lê Thị L, phần đất chuyển nhượng có nguồn gốc do ông Sích và bà N tặng cho ông L.

Ông Nguyễn Thanh L chết không để lại di chúc. Bà N cùng bà P và các con của ông L, bà P thoả thuận phân chia di sản của ông L nhưng không thoả thuận được nên bà N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, cụ thể:

- Thửa số 472A, diện tích 178m² làm khu thổ mộ chung do tất cả các đồng thừa kế cùng đứng tên quản lý, sử dụng.

- Diện tích còn lại của thửa số 524 và thửa số 472 (sau khi trừ đi diện tích thửa số 472A) là 2218.2m² chia thành 04 kỷ phần bằng nhau cho bà N, bà P, chị Nguyệt và anh L. Bà N yêu cầu được nhận toàn bộ thửa đất số 524 từ bản đồ số 4 toạ lạc tại ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre và đồng ý hoàn lại giá trị chênh lệch cho hàng thừa kế nhận diện tích đất ít hơn theo giá của Hội đồng định giá.

Nguyên đơn thống nhất với kết quả đo đạc, định giá tài sản. Đối với công trình, vật kiến trúc và cây trồng trên đất, nguyên đơn không yêu cầu phân chia, người nào được chia phần đất có công trình, vật kiến trúc và cây trồng thì người đó được sử dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Đình T trình bày:

Ông Nguyễn Thanh L và Trịnh Thị P sống chung với nhau từ năm 1993. Ông L và bà P có 02 người con là Nguyễn Thị Kim N và Nguyễn Khánh L, ngoài ra ông L không có cha mẹ nuôi, vợ, con đẻ, con nuôi nào khác.

Ông Nguyễn Thanh L chết ngày 13/02/2021, để lại di sản gồm: Thửa đất số 524, diện tích 756,2m² và thửa số 472 (theo đo đạc thực tế gồm: thửa số 472, diện tích 1162m²; thửa số 472A, diện tích 178m², thửa số 472B, diện tích 300m²) cùng bản đồ số 4 toạ lạc tại ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Nguồn gốc các thửa đất nêu trên là do cha mẹ ông L là ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị N tặng cho ông L và bà P, việc tặng cho chỉ nói miệng không lập thành văn bản.

Hiện trạng thửa đất số 524, từ bản đồ số 4 có một số cây dừa do ông Sích và bà N trồng. Hiện trạng thửa đất số 472, từ bản đồ số 4 có một căn nhà tường, một nhà bếp, công và hàng rào, một số cây trồng như dừa, bưởi, trúc do bà P, ông L xây dựng và trồng. Ông L chết không để lại di chúc, sau khi ông L chết thì bà P cùng các con tiếp tục quản lý, sử dụng các thửa đất.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn bà P yêu cầu: Thửa số 472A, diện tích 178m² làm khu thổ mộ chung do tất cả các đồng thừa kế cùng đứng tên quản lý, sử dụng. Diện tích còn lại của thửa số 524 và thửa số 472 (sau khi trừ đi diện tích thửa số 472A) là 2218.2m² chia tài sản chung của vợ chồng, bà và ông L mỗi người được nhận 1109.1m². Phần của ông L được nhận đề nghị chia thừa kế theo pháp luật, chia thành 04 kỷ phần bằng nhau cho bà N, bà P, chị Nguyệt và anh L mỗi kỷ phần là 277.2m². Tuy nhiên, các bị đơn thống nhất để bà N được nhận phần đất thuộc thửa số 472B, diện tích 300m², không yêu cầu bà N phải hoàn lại giá trị chênh lệch cho hàng thừa kế nhận diện tích đất ít hơn. Các bị đơn thống nhất đề nghị được nhập chung phần di sản được phân chia, không yêu cầu chia tách riêng cho từng hàng thừa kế.

Bị đơn thống nhất với kết quả đo đạc, định giá tài sản. Đối với công trình,

vật kiến trúc và cây trồng trên đất, bị đơn không yêu cầu phân chia, người nào được chia phần đất có công trình, vật kiến trúc và cây trồng thì người đó được sử dụng.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2022/DS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã áp dụng:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 166, 202, 203 của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N, cụ thể: Bà Lê Thị N, bà Trịnh Thị P, chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Khánh L được phân chia thừa kế đối với di sản của ông Nguyễn Thanh L là thửa số 524 và thửa số 472, cùng tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, mỗi người nhận diện tích đất là 554.55m² tương ứng với giá trị 1.386.357.000 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

1.1. Bà Lê Thị N được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 756,2m² và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa số 524, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có bản vẽ kèm theo).

1.2. Bà Trịnh Thị P, chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Khánh L thống nhất đề nghị nhập chung kỹ phần được chia thừa kế nên ghi nhận. Bà Trịnh Thị P, chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Khánh L được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 1462m² và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa số 472B và thửa số 472, cùng tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có bản vẽ kèm theo).

1.3. Bà Lê Thị N, bà Trịnh Thị P, chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Khánh L được đồng sở hữu khu mộ chung của thân tộc thuộc thửa số 472A, diện tích 178m², tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có bản vẽ kèm theo).

1.4. Buộc bà Lê Thị N có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Trịnh Thị P số tiền 168.041.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng).

1.5. Buộc bà Lê Thị N có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Kim N số tiền 168.041.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng).

1.6. Buộc bà Lê Thị N có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Nguyễn Khánh L số tiền 168.041.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng).

2. Các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật tương ứng với phần diện tích đất được công nhận khi đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính cho các đương sự khác và nghĩa vụ án phí đã được xác định trong bản án.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH02754 đã cấp cho ông Nguyễn Thanh L ngày 28/8/2014 để cấp quyền sử dụng đất cho các đương sự nêu trên theo nội dung bản án đã tuyên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/9/2022, bị đơn bà Trịnh Thị P kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm chia thừa kế theo pháp luật đối với hai thửa đất 524 và 472 theo hướng chia bằng hiện vật vì những người thừa kế có sức lao động và có nhiều nhu cầu khai thác, quản lý đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chị Trịnh Thị Pho và bị đơn chị Trịnh Thị P thống nhất trình bày: Bà P thừa nhận phần đất mà ông L để lại là tài sản riêng, bà P yêu cầu cấp phúc thẩm tính thêm công sức cho bà P đối với trên phần đất này.

Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 76/2022/DS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Trịnh Thị P; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày: Ông Nguyễn Thanh L có cha là ông Nguyễn Văn S (chết năm: 2006), mẹ là bà Lê Thị N, vợ là bà Trịnh Thị P, ông L và bà P có 02 người con là Nguyễn Thị Kim N và Nguyễn Khánh L. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của ông L gồm: Bà N, bà P, chị Nguyệt và anh L.

[2] Về di sản được yêu cầu chia thừa kế: Các đương sự thống nhất phần đất thừa số 524, diện tích 756,2m² và thửa số 472 (qua đo đạc thực tế gồm: Thửa số 472, diện tích 1162m²; thửa số 472A, diện tích 178m², thửa số 472B, diện tích 300m²) cùng bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc là của cha mẹ ông Nguyễn Thanh L là ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị N.

Nguyên đơn cho rằng do ông L là con út và là người chăm sóc, phụng dưỡng mẹ nên các đồng thừa kế của ông Sích thống nhất để lại toàn bộ di sản của ông Sích cho ông L theo văn bản phân chia tài sản thừa kế lập ngày 05/6/2008. Đến ngày 04/8/2008, ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị đơn bà P cho rằng các thửa đất nêu trên ông L và bà P được ông Sích và bà N tặng cho trong thời kỳ hôn nhân nên đó là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên bà P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà và ông L được ông Sích, bà N tặng cho các thửa đất nêu trên cũng như căn cứ xác định các tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng.

Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện: Thửa số 524 và thửa số 472, cùng tờ bản đồ số 4 (thửa cũ thuộc một phần thửa số 301, 302, cùng tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp Phú Quới, xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày (nay là xã Tân Hội, huyện Mỏ Cày Nam), tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/12/1995. Đến ngày 11/02/2006, ông Sích chết nên các hàng thừa kế của ông Sích thống nhất phân chia di sản thừa kế để ông Nguyễn Thanh L được nhận phần đất thửa số 301, 302 cùng tờ bản đồ số 02. Ngày 04/8/2008, ông L được Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày (nay là huyện Mỏ Cày Nam) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất thửa số 301, 302 cùng tờ bản đồ số 02 và sau đó được cấp đổi theo quy định. Từ những phân tích nêu trên có đủ cơ sở để kết luận thửa đất 524 và

thửa số 472 là tài sản của cá nhân ông L. Như vậy không có căn cứ xác định thửa đất 524 và thửa số 472 là tài sản chung vợ chồng của ông L bà P.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày thống nhất đề thửa đất số 472A, diện tích 178m² (có cạnh tiếp giáp với đường công cộng) làm khu thổ mộ chung do tất cả các đồng thừa kế cùng đứng tên quản lý, sử dụng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Theo trích lục bản đồ địa chính thửa số 524, tờ bản đồ số 4 ngày 26/7/2022 và hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất thửa số 472, tờ bản đồ số 4 ngày 30/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, sau khi khấu trừ diện tích làm khu đất thổ mộ chung (thửa đất số 472A, diện tích 178m²) thì di sản thừa kế của ông L còn lại là: 2218.2m². Theo biên bản định giá ngày 29/3/2022 tương đương với giá trị là 5.545.500.000 đồng, chia đều cho 04 thừa kế tương ứng với mỗi kỹ phần được nhận 554.55m² tương đương với giá trị 1.386.357.000 đồng.

[3] Về việc phân chia: Diện tích còn lại của thửa đất số 472 sau khi trừ khu thổ mộ chung là 1462m², trên đất có căn nhà và các công trình kiến trúc hiện do bà P và các con của ông L, bà P quản lý và sử dụng, phần đất đã được xây dựng hàng rào kiên cố bao quanh. Thấy rằng, mối quan hệ gia đình giữa nguyên đơn và bị đơn không hòa thuận, nên nếu phân chia cho nguyên đơn nhận phần di sản thuộc một phần thửa số 472 sẽ ảnh hưởng đến quá trình quản lý, sử dụng đất của các đương sự.

Trường hợp phân chia cho nguyên đơn được nhận thừa kế tại thửa đất số 524 thì diện tích còn lại thửa số 524 là 201.65m², phần diện tích còn lại này không đủ điều kiện tách thửa theo quy định nên xét thấy giao cho nguyên đơn sử dụng toàn bộ thửa số 524 là phù hợp, nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn lại giá trị chênh lệch cho hàng thừa kế nhận diện tích đất ít hơn, cụ thể: Bà N có nghĩa vụ hoàn lại cho bà P, chị Nguyệt và anh L mỗi người số tiền là 168.041.000 đồng.

Đối với kỹ phần của bà P, chị Nguyệt và anh L được nhận, các đương sự thống nhất đề nghị được nhận chung, không phải tách riêng từng kỹ phần nên ghi nhận. Về tài sản trên thửa đất số 472 và 524 không yêu cầu chia thừa kế, người được nhận phần đất nào sẽ quản lý, sử dụng tài sản trên phần đất đó. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các đương sự và phù hợp theo quy định nên ghi nhận.

Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, bà P kháng cáo yêu cầu tính công sức đóng góp của bà đối với di sản của ông L để lại. Thấy rằng, bà P cũng thừa nhận di sản mà ông L để lại là thửa đất 472, thửa 524 là tài sản riêng của ông L. Tuy nhiên, ông bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, như vậy cần thiết phải xem xét chia cho bà P thêm một phần công sức đóng góp như bà yêu

cầu là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà N trả cho bà P thêm 30% giá trị của một kỷ phần: $30\% \times 1.386.357.000$ đồng (giá trị 01 kỷ phần) = 415.907.100 (bốn trăm mười lăm triệu chín trăm lẻ bảy nghìn một trăm) đồng. Như vậy, phần thừa kế mà bà P được chia tính ra giá trị là: 1.386.357.000 đồng (giá trị một kỷ phần) + 415.907.000 đồng (công sức đóng góp) = 1.802.264.000 (một tỷ tám trăm lẻ hai triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng. Theo đó, tổng số tiền mà bà N phải hoàn cho bà P là: 168.041.000 đồng giá trị chênh lệch + 415.907.000 đồng (công sức đóng góp) = 583.948.000 (năm trăm tám mươi ba triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

Từ những nhận định trên, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nhưng chưa xét đến công sức đóng góp của bà P là chưa xem xét giải quyết toàn diện vụ án, kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Thị P là có căn cứ nên được chấp nhận một phần.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn bà Trịnh Thị P phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị P;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2022/DS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 166, 202, 203 của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N: Bà Lê Thị N, bà Trịnh Thị P, chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Khánh L được phân chia thừa kế đối với di sản của ông Nguyễn Thanh L là thửa số 524 và thửa số 472, cùng tờ

bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, mỗi người nhận diện tích đất là 554.55m² tương ứng với giá trị 1.386.357.000 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

1.1. Bà Lê Thị N được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 756,2m² và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa số 524, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có bản vẽ kèm theo).

1.2. Bà Trịnh Thị P, chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Khánh L thống nhất đề nghị nhập chung kỹ phần được chia thừa kế nên ghi nhận. Bà Trịnh Thị P, chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Khánh L được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 1462m² và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa số 472B và thửa số 472, cùng tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có bản vẽ kèm theo).

1.3. Bà Lê Thị N, bà Trịnh Thị P, chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Khánh L được đồng sở hữu khu mộ chung của thân tộc thuộc thửa số 472A, diện tích 178m², tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có bản vẽ kèm theo).

1.4. Buộc bà Lê Thị N có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Trịnh Thị P số tiền 583.948.000 (năm trăm tám mươi ba triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

1.5. Buộc bà Lê Thị N có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Kim N số tiền 168.041.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng).

1.6. Buộc bà Lê Thị N có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Nguyễn Khánh L số tiền 168.041.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng).

2. Các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật tương ứng với phần diện tích đất được công nhận khi đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính cho các đương sự khác và nghĩa vụ án phí đã được xác định trong bản án.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre căn cứ vào bản án, quyết định có hiệu lực để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH02754 đã cấp cho ông Nguyễn Thanh L ngày 28/8/2014 để cấp quyền sử dụng đất cho các đương sự nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong

tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về chi phí thu thập chứng cứ: Bà Trịnh Thị P, chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Khánh L mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Lê Thị N số tiền 1.003.500 đồng (Một triệu không trăm lẻ ba nghìn năm trăm đồng).

5. Về án phí

5.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị N được miễn toàn bộ án phí.

- Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Khánh L mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 53.590.710 đồng (Năm mươi ba triệu năm trăm chín mươi nghìn bảy trăm mười).

- Bà Trịnh Thị P phải chịu 66.067.902 (sáu mươi sáu triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm lẻ hai) đồng.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn lại cho bà Trịnh Thị P 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0009507 ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lương